

Số: 438 /QĐ-UBND

Móng Cái, ngày 02 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường trên địa bàn Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022-2030”;

Căn cứ Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 13366/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chương trình cải cách hành chính thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ Thành phố tại Tờ trình số 47/TTr-NV ngày 31 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố Móng Cái, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục đích

a) Xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) để theo dõi, đánh giá chính xác, thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện CCHC hàng

năm của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường trên địa bàn Thành phố tham gia đánh giá xếp hạng CCHC.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức, trong việc thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, xã, phường.

c) Thông qua kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC hàng năm, các cơ quan, đơn vị, xã, phường xác định rõ mặt mạnh, mặt yếu trong thực hiện CCHC, giúp các cơ quan, đơn vị, xã, phường có những điều chỉnh cần thiết về mục tiêu, nội dung và các giải pháp trong triển khai CCHC hàng năm, góp phần nâng cao hiệu quả CCHC, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

2. Yêu cầu

a) Việc đánh giá, xác định CCHC phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường trên địa bàn Thành phố (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị).

b) Việc đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị được tổ chức định kỳ hàng năm.

c) Đánh giá, xếp hạng đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, khoa học và chính xác, phản ánh đúng tình hình thực tế kết quả hoạt động cụ thể của cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố.

d) Hình thành hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, từng bước ổn định trong hệ thống cơ quan nhà nước từ Thành phố đến cơ sở.

đ) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số để nâng cao tính công khai, minh bạch và khách quan trong công tác theo dõi, đánh giá.

e) Hội nghị công bố xếp hạng CCHC được tổ chức công khai.

3. Đối tượng áp dụng

- 12/12 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

- 17/17 Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn Thành phố.

4. Phạm vi áp dụng

Quy định này xác định Chỉ số CCHC các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham gia đánh giá xếp hạng CCHC.

II. NỘI DUNG, THANG ĐIỂM XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ số Cải cách hành chính các phòng chuyên môn

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC các cơ quan chuyên môn:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC các phòng chuyên môn được xác định trên 8 nội dung, 40 tiêu chí, 32 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 06 tiêu chí và 08 tiêu

chỉ thành phần.

- Cải cách thể chế: 04 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thủ tục hành chính: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 02 tiêu chí.
- Cải cách chế độ công vụ: 06 tiêu chí và 03 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tài chính công: 05 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần.
- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: 10 tiêu chí.
- Điểm thưởng: 03 tiêu chí.

(Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan chi tiết tại Phụ lục I)

b) Thang điểm đánh giá là 100.

c) Phương pháp đánh giá:

Các cơ quan, đơn vị tự theo dõi, đánh giá và tự chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cơ quan theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Phòng Nội vụ. Đơn vị có thể thuyết minh, giải trình trên phần tự chấm điểm trực tiếp vào báo cáo đánh giá (tại phần ghi chú) hoặc tại văn bản giải trình đính kèm. Điểm tự đánh giá của các cơ quan (thể hiện tại cột “Điểm tự chấm”) được Hội đồng thẩm định xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh trong quá trình thẩm định tài liệu kiểm chứng và qua theo dõi thực tế.

d) Tính điểm xác định chỉ số CCHC:

- Điểm đạt được là tổng hợp điểm UBND Thành phố đánh giá và là căn cứ để xác định chỉ số CCHC của các cơ quan.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa.

- Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định qua kết quả triển khai tương ứng với điểm đạt được của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần.

đ) Tài liệu kiểm chứng:

- Đối với các kế hoạch, báo cáo và văn bản liên quan đến công tác CCHC phải được ban hành có chữ ký số; thời gian, nội dung phải đảm bảo theo đúng các văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ trì các nội dung CCHC.

- Đối với các văn bản liên quan đến công tác CCHC trong nội bộ cơ quan, khi triển khai thực hiện, các đơn vị phải có văn bản gửi về cơ quan chủ trì nội dung CCHC để làm tài liệu kiểm chứng.

e) Xếp hạng Chỉ số CCHC: Kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC của 12 cơ quan chuyên môn được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

Trường hợp các cơ quan có số điểm bằng nhau thì xếp đồng hạng.

3. Chỉ số Cải cách hành chính của UBND xã, phường

a) Chỉ số CCHC của UBND cấp xã được xác định trên 8 nội dung, 42 tiêu chí, 41 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.

- Cải cách thể chế: 04 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần.

- Cải cách thủ tục hành chính: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần.

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 02 tiêu chí.

- Cải cách chế độ công vụ: 06 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần.

- Cải cách tài chính công: 06 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.

- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: 10 tiêu chí.

- Điểm thưởng: 04 tiêu chí.

(Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của UBND các xã, phường chi tiết tại Phụ lục II)

b) Thang điểm đánh giá là 100.

c) Phương pháp đánh giá:

UBND các xã, phường tự theo dõi, đánh giá và tự chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của địa phương theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Phòng Nội vụ. Các xã, phường có thể thuyết minh, giải trình trên phần tự chấm điểm trực tiếp vào báo cáo đánh giá (tại phần ghi chú) hoặc tại văn bản giải trình đính kèm. Điểm tự đánh giá của xã, phường (thể hiện tại cột “Điểm tự chấm”) được Hội đồng thẩm định xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh trong quá trình thẩm định tài liệu kiểm chứng và qua theo dõi thực tế.

d) Tính điểm xác định Chỉ số CCHC:

- Điểm đạt được là tổng hợp điểm UBND Thành phố đánh giá và là căn cứ để xác định chỉ số CCHC của các xã, phường.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa.

- Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định qua kết quả triển khai tương ứng với điểm đạt được của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần.

đ) Tài liệu kiểm chứng:

- Đối với các kế hoạch, báo cáo và văn bản liên quan đến công tác CCHC phải được ban hành có chữ ký số; thời gian, nội dung phải đảm bảo theo đúng các văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ trì các nội dung CCHC.

- Đối với các văn bản liên quan đến công tác CCHC trong nội bộ cơ quan, khi triển khai thực hiện, các đơn vị phải có văn bản gửi về cơ quan chủ trì nội dung CCHC để làm tài liệu kiểm chứng.

e) Xếp hạng Chỉ số CCHC: Kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC của 17 xã, phường được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

Trường hợp các xã, phường có số điểm bằng nhau thì xếp đồng hạng.

III. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính

- *Bước 1:* Các cơ quan, đơn vị, xã, phường tự đánh giá và chấm điểm thực hiện CCHC theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC.

+ Hàng năm, căn cứ vào nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC quy định tại Quyết định này, hướng dẫn của Phòng Nội vụ và kết quả triển khai thực hiện CCHC, các cơ quan, đơn vị, xã, phường tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC tại đơn vị.

+ Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, xã, phường phải thể hiện đầy đủ số điểm thực tế của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần, tổng điểm đạt được; đồng thời phải cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng chứng minh cho kết quả đạt được theo đúng yêu cầu (*chấm điểm theo Phụ lục I, II, kèm theo Quyết định này*).

- *Bước 2:* Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá.

+ Thành lập Hội đồng thẩm định của Thành phố để thẩm định việc tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, xã, phường và dự kiến xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC đối với các cơ quan trên địa bàn thành phố Móng Cái.

+ Nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng thẩm định được quy định cụ thể tại Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

+ Căn cứ để thẩm định:

(i1) Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

(i2) Hồ sơ, tài liệu để kiểm chứng cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC.

(i3) Thông tin, số liệu theo dõi từ các cơ quan chuyên môn được giao chủ trì các nội dung CCHC và các cơ quan khác có liên quan.

- *Bước 3:* Tổng hợp điểm thẩm định xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, xã, phường, báo cáo UBND Thành phố.

- *Bước 4:* Cơ quan chủ trì tham mưu, trình UBND Thành phố quyết định phê duyệt kết quả Chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường thuộc Thành phố.

- *Bước 5:* Thực hiện công bố xếp hạng Chỉ số CCHC hàng năm của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường. Kết quả Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, xã, phường được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

2. Thời gian tổ chức thực hiện đánh giá

2.1. Các cơ quan, đơn vị, xã, phường tự đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC trong năm của đơn vị mình, gửi báo cáo tự chấm điểm (*theo Phụ lục I, II, kèm theo*) và tài liệu kiểm chứng về UBND Thành phố (qua Phòng Nội vụ) tổng hợp trước ngày 18 tháng 04 năm sau (năm liền kề).

2.2. Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị trong tháng 4 của năm sau (năm liền kề).

2.3. Tổ chức Hội nghị công bố xếp hạng Chỉ số CCHC các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường thuộc Thành phố, trong tháng 4 của năm sau (năm liền kề).

3. Thực hiện xếp hạng

Việc xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC đối với các cơ quan, đơn vị, xã, phường trên địa bàn Thành phố được tính trên cơ sở tổng điểm của các tiêu chí theo thứ tự từ cao xuống thấp và được xếp hạng như sau:

- Xuất sắc: Từ 90 điểm đến 100 điểm.
- Tốt: Từ 80 điểm đến dưới 90 điểm.
- Khá: Từ 70 điểm đến dưới 80 điểm.
- Trung bình: Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
- Kém: Dưới 50 điểm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Phòng Nội vụ

1.1. Chủ trì tham mưu cho UBND Thành phố triển khai các văn bản chỉ đạo về công tác CCHC; nội dung về tổ chức bộ máy hành chính và cải cách chế độ công vụ trên địa bàn Thành phố; theo dõi việc triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, xã, phường để làm căn cứ xác định chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, xã, phường hàng năm.

1.2. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai xác định Chỉ số CCHC đối với các cơ quan, đơn vị, xã, phường.

1.3. Định kỳ hàng năm xây dựng Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số CCHC; chủ trì tổ chức triển khai thực hiện sau khi Kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt.

1.4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, xã, phường tự đánh giá, chấm điểm thực hiện công tác CCHC theo các nội dung của Chỉ số CCHC do UBND Thành phố ban hành.

1.5. Trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, xã, phường thuộc UBND Thành phố (khi có sự thay đổi).

1.6. Tổng hợp và xây dựng báo cáo kết quả Chỉ số CCHC, trình Chủ tịch

UBND Thành phố quyết định đánh giá, xếp hạng; khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác CCHC hàng năm.

1.7. Chủ trì, tham mưu UBND Thành phố tổ chức Hội nghị công bố xếp hạng Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, xã, phường.

1.8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung Chỉ số CCHC trình UBND Thành phố quyết định ban hành đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế (khi có thay đổi).

1.9. Chủ trì, tham mưu kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị, xã, phường; hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

1.10. Hướng dẫn cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố và UBND các xã, phường tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC của địa phương theo các tiêu chí; tổng hợp kết quả thẩm định, xây dựng báo cáo đánh giá kết quả Chỉ số CCHC của Thành phố gửi UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, đánh giá kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC của Thành phố.

1.11. Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố; điều tra xã hội học đối với cán bộ, công chức đánh giá việc triển khai công tác CCHC của địa phương phục vụ xác định chỉ số CCHC của Thành phố và các sở, ban, ngành của tỉnh.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố

Phối hợp hướng dẫn UBND cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC thuộc nội dung phụ trách.

3. Phòng Tư pháp

- Nâng cao chất lượng thẩm định dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND Thành phố, đồng thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại địa phương; đảm bảo các văn bản QPPL của Thành phố được ban hành đồng bộ, thống nhất, hợp lý và tính khả thi cao.

- Chủ trì theo dõi công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của các cơ quan, đơn vị, xã, phường; theo dõi việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực và tổ chức ngày pháp luật hàng năm của các cơ quan, đơn vị, xã, phường trên địa bàn Thành phố để làm căn cứ xác định kết quả chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường thuộc Thành phố.

- Phối hợp hướng dẫn UBND các xã, phường, phòng chuyên môn thuộc UBND Thành phố tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC thuộc nội dung phụ trách.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố

- Chủ trì tham mưu các giải pháp để thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị, xã, phường; hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quyết định đã được UBND Thành phố phê duyệt.

- Theo dõi việc thực hiện công khai tài chính; việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí; việc thực hiện tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, xã, phường để làm cơ sở đánh giá chỉ số CCHC hàng năm.

- Thẩm định, báo cáo UBND Thành phố bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

- Phối hợp hướng dẫn UBND các xã, phường, cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC thuộc nội dung phụ trách.

5. Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, xã, phường trong việc triển khai thực hiện nội dung xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Theo dõi việc triển khai thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng số, truyền dẫn, hạ tầng dữ liệu trong việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, xã, phường,... kết nối liên thông, đồng bộ và thống nhất, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố triển khai tổ chức công tác tuyên truyền CCHC. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện tuyên truyền CCHC của các cơ quan, đơn vị, xã, phường.

- Phối hợp hướng dẫn UBND các xã, phường, phòng chuyên môn thuộc UBND Thành phố tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC thuộc nội dung phụ trách.

6. Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố

- Chủ động, tích cực, tăng cường số lượng, chất lượng của các tin bài, chuyên mục liên quan đến công tác cải cách hành chính trên chuyên trang CCHC và các trang web khác liên quan đến công tác cải cách hành chính của Thành phố nhằm tăng cường công tác tuyên truyền CCHC và hoàn thành các nhiệm vụ CCHC theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thực hiện tuyên truyền CCHC đạt hiệu quả.

- Phối hợp hướng dẫn UBND các xã, phường, phòng chuyên môn thuộc UBND Thành phố tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC thuộc nội dung phụ trách.

7. Trung tâm Hành chính công Thành phố

- Chủ trì tham mưu cho UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, cập nhật bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trình Chủ

tịch UBND Thành phố công bố sau khi các Sở, ngành tỉnh công bố.

- Chủ trì theo dõi việc rà soát, đánh giá cập nhật TTHC và việc công bố, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định của các cơ quan, đơn vị, xã, phường; tiếp nhận, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính, hoạt động giải quyết TTHC của cơ quan, thái độ, hành vi của người có thẩm quyền trong giải quyết TTHC để làm cơ sở đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị (theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Hành chính công Thành phố).

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, xã, phường xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị, xã, phường và áp dụng trên phần mềm ISO điện tử đảm bảo theo đúng quy định.

- Phối hợp hướng dẫn UBND các xã, phường, cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC thuộc nội dung phụ trách.

8. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, các cơ quan, đơn vị, xã, phường tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng các nội dung, tiêu chí của Bộ chỉ số CCHC; xây dựng, ban hành các văn bản triển khai thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn được UBND Thành phố giao chủ trì các nội dung cải cách hành chính để làm tài liệu kiểm chứng phục vụ chấm điểm chỉ số CCHC.

- Tổ chức triển khai, xây dựng báo cáo đánh giá xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị theo kế hoạch hằng năm của UBND Thành phố và hướng dẫn của Phòng Nội vụ. Phân công công chức theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị, xã, phường.

- Các cơ quan, đơn vị, xã, phường tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC theo các tiêu chí của các cơ quan, đơn vị phù hợp với tình hình thực tế và kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị, xã, phường; tổng hợp kết quả thẩm định, xây dựng báo cáo đánh giá xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, xã, phường gửi về Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Phòng Nội vụ) để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC của cơ quan, đơn vị, xã, phường đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ tổ chức điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố phục vụ xác định chỉ số CCHC của Thành phố, của tỉnh (nếu có).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định xác định Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc thành phố Móng Cái.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố; Trưởng phòng Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Sở Nội vụ tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy, HĐND Thành phố;
- CT, các PCT UBND Thành phố;
- Ban Chỉ đạo CCHC Thành phố;
- Lưu: VT, PNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Huy

Phụ lục I

CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND thành phố Móng Cái)

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	19					
1.1	Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC)	3		Bổ sung thêm tỷ lệ % hoàn thành KH			
	Xây dựng kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian và thực hiện 100% kế hoạch	3					
	Xây dựng kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian và thực hiện từ 90% - dưới 100% kế hoạch	2					
	Xây dựng kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian và thực hiện dưới 90% kế hoạch	1					
	Không ban hành hoặc ban hành chậm quá 15 ngày và thực hiện dưới 90% kế hoạch	0					
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ (gắn với Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND Thành phố "triển khai một số giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Thành phố gắn với chuyển đổi số thành phố Móng Cái đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" theo Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 04/12/2022 của HĐND tỉnh); báo cáo chuyên đề (Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 07/9/2021 của UBND thành phố Móng Cái "Triển khai Chương trình hành động số 131/CTr-UBND ngày 02/7/2021 để triển khai cụ thể Nghị quyết 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030)	3				Sửa lại cho phù hợp vì tình yêu cầu thêm Báo cáo Nghị quyết 05 và Nghị quyết số 124 gắn với BC CCHC định kỳ	
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ (gắn với thực hiện Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 124/NQ-HĐND)	2					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Đủ số lượng báo cáo và đảm bảo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định	2					
	Thiếu 01 báo cáo hoặc có 01 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 01 báo cáo chưa gửi đúng thời gian quy định	1					
	Thiếu 02 báo cáo trở lên hoặc có 02 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 02 báo cáo không gửi đúng thời gian quy định	0					
1.2.2	Báo cáo chuyên đề (gắn với Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 07/9/2021 của UBND thành phố Móng Cái về thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU)	1					
	Đủ số lượng báo cáo và đảm bảo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định	1					
	Thiếu 01 báo cáo hoặc có 01 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 01 báo cáo chưa gửi đúng thời gian quy định	0.5					
	Thiếu 02 báo cáo trở lên hoặc có 02 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 02 báo cáo không gửi đúng thời gian quy định	0					
1.3	Triển khai Kế hoạch tuyên truyền CCHC	2					
	Triển khai thực hiện kịp thời (Xây dựng KH triển khai hoặc thông qua cuộc họp; lồng ghép hội nghị,...)	2					
	Triển khai thực hiện nhưng không kịp thời	1					
	Không triển khai	0					
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	3					
1.4.1	Phụ trách công tác CCHC	1					
	Người đứng đầu trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo	1					
	Giao cho cấp phó trực tiếp phụ trách	0					
1.4.2	Có phân công và giao nhiệm vụ cho công chức phụ trách công tác CCHC	1					
	Có văn bản giao nhiệm vụ	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	<i>Không có văn bản giao nhiệm vụ</i>	0					
1.4.3	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1					
	<i>Có sáng kiến, giải pháp</i>	1					
	<i>Không có sáng kiến, giải pháp</i>	0					
1.5	Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định	5					
1.5.1	Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	2					
	<i>Tất cả báo cáo quý gửi đúng thời gian quy định</i>	2					
	<i>Có 01 báo cáo gửi không đúng thời gian quy định</i>	1					
	<i>Có 02 báo cáo trở lên gửi không đúng thời gian quy định</i>	0					
1.5.2	Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan	2					
	<i>Giải quyết từ 90% - dưới 100% đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng thời gian quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền hoặc cơ quan không có phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo</i>	2					
	<i>Giải quyết từ 80% - dưới 90% đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng thời gian quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền</i>	1					
	<i>Giải quyết từ 70% đến dưới 80% đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng thời gian quy định, đúng thẩm quyền</i>	0.5					
1.5.3	Số tiếp công dân và tiếp nhận đơn thư	0					
	<i>Có số tiếp công dân và tiếp nhận đơn thư và ghi chép đầy đủ</i>	1					
	<i>Có số tiếp công dân và tiếp nhận đơn thư nhưng ghi chép chưa đầy đủ</i>	0.5					
	<i>Không có số tiếp công dân và tiếp nhận đơn thư hoặc có số nhưng không ghi chép</i>	0					
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND Thành phố giao	3					
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm</i>	3					
Điều chỉnh lại cho phù hợp							

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có không quá 5% số nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ	2					
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có từ 5% đến dưới 10% số nhiệm vụ hoàn thành chậm so với tiến độ	1					
	Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao	0					
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	10					
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	2			Mới		
	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL thuộc phạm vi của địa phương						
	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình	2					
	80% đến dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình	1					
	Dưới 80% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình	0					
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	2			Mới		
2.2.1	Triển khai kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1					
	Triển khai kịp thời	1					
	Có triển khai nhưng kịp thời	0.5					
	Không triển khai:	0					
2.2.2	Thực hiện báo cáo theo dõi thi hành pháp luật theo quy định	1					
	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định	1					
	Không báo cáo hoặc báo cáo chậm so với quy định	0					
2.3	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	4					
2.3.1	Triển khai kế hoạch rà soát văn bản QPPL hàng năm; Kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL theo quy định và báo cáo	2					
	Có triển khai rà soát, báo cáo đầy đủ	2					
	Có triển khai nhưng chưa đầy đủ	1					
	Không triển khai, không có báo cáo:	0					
2.3.2	Xử lý kết quả sau rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Từ 90% đến 100% vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý kịp thời	1					
	Từ 80% đến dưới 90% vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý kịp thời	0.5					
	Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý	0					
2.3.3	Tổ chức thực hiện thông báo kết luận kiểm tra văn bản QPPL	1					
	Tổ chức thực hiện, tham mưu xử lý kịp thời	1					
	Không tham mưu chức thực hiện hoặc không tham mưu xử lý	0					
2.4	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi của địa phương và tổ chức Ngày pháp luật hàng năm	2					
	Tổ chức triển khai tuyên truyền và có báo cáo đầy đủ đúng thời gian quy định	2					
	Tổ chức triển khai tuyên truyền và có báo cáo chậm không quá 15 ngày	1					
	Không ban hành hoặc ban hành chậm quá 15 ngày trở lên	0					
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	14					
3.1	Thực hiện hoạt động kiểm soát quy định thủ tục hành chính	3					
3.1.1	Thực hiện Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính	1					
	Ban hành và thực hiện 100% kế hoạch đề ra	1					
	Ban hành chậm so với quy định và thực hiện dưới 100% kế hoạch đề ra	0					
3.1.2	Báo cáo kiểm soát TTHC định kỳ	1					
	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định	1					
	Báo cáo chưa đầy đủ nhưng đúng thời gian theo quy định	0.5					
	Không có báo cáo hoặc quá thời gian quy định	0					
3.1.3	Thường xuyên rà soát và xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1					
	Không có vấn đề phát sinh sau rà soát hoặc 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
		0.5		Từ 90% đến dưới 100% vẫn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền			
		0		Dưới 90% vẫn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền			
3.2	Công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các TTHC thuộc thẩm quyền	2		Công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định tại Trung tâm Hành chính công huyện, bảng niêm yết tại cơ quan, đơn vị 100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định			
		2		Dưới 100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định			
		0		Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông			
3		7		Bố trí đủ công chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả có năng lực, trình độ và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ (không có lao động hợp đồng)			
3.1		1		Bố trí 100%			
		1		Bố trí dưới 100%			
		0		Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính cho cá nhân, tổ chức			
3.2		3		100% số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn			
		3		Từ 95% - dưới 100% số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn			
		2		Từ 90% - dưới 95% số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn			
		1		Dưới 90% số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn			
		0		Thực hiện đúng quy định có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức khi chậm giải quyết TTHC (dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát; trên hệ thống)			
3		1		Có văn bản xin lỗi			
		1		Không có văn bản xin lỗi			
		0		Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC			
4		2		Từ 80% đến 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa			
		2					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Từ 70% đến dưới 80% kết quả giải quyết TTHC được số hóa	1					
	Dưới 70% kết quả giải quyết TTHC được số hóa	0					
3.4	Phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết TTHC	2					
	Không có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết TTHC hoặc có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức nhưng mang tính chất tham gia góp ý tích cực về quá trình giải quyết TTHC	2					
	Có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết TTHC nhưng đảm bảo 100% phản ánh, kiến nghị được cơ quan giải quyết	1					
	Có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết TTHC nhưng dưới 100% phản ánh, kiến nghị được cơ quan giải quyết	0					
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	4					
4.1	Thường xuyên thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy chế làm việc, Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể của từng CB, CC cho phù hợp	2					
	Thực hiện rà soát, điều chỉnh kịp thời.	2					
	Thực hiện rà soát điều chỉnh không kịp thời.	1					
	Không thực hiện rà soát điều chỉnh.	0					
4.2	Thực hiện phân cấp quản lý	2					
	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước do Chính phủ, Bộ, Tỉnh, Thành phố ban hành						
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định và báo cáo đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định.	2					
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định nhưng không báo cáo đầy đủ nội dung hoặc chậm thời gian quy định (không quá 15 ngày).	1					
	Không thực hiện các quy định hoặc không gửi báo cáo hoặc báo cáo chậm sau 15 ngày.	0					
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	12					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
5.1	Thực hiện hoàn thiện quy định về VTVL của cơ quan (sau khi Bộ, ngành ban hành Danh mục VTVL)	1			Mới		
	<i>Hoàn thiện đầy đủ, kịp thời theo quy định</i>	1					
	<i>Không đầy đủ hoặc không kịp thời</i>	0					
5.2	Thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với CBCCV (Theo Luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP)	1			Mới		
	Thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố hàng năm	1					
	<i>100% thực hiện theo đúng kế hoạch</i>						
	<i>Không đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch</i>	0					
5.3	Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	1					
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch</i>	1					
	<i>Thực hiện từ 90% - dưới 100% kế hoạch</i>	0.5					
	<i>Thực hiện dưới 90% kế hoạch</i>	0					
5.4	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	5					
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định	1					
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	1					
	<i>Thực hiện không đúng quy định</i>	0					
5.4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	2					
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	2					
	<i>Trong năm chỉ có công chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	1					
	<i>Trong năm có cán bộ, lãnh đạo bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	0					
5.4.3	Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CBCC	2					
	<i>100% CBCC hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	2					8

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Có từ 01 người hoàn thành nhiệm vụ	1					
	Có từ 01 người không hoàn thành nhiệm vụ	0					
5.5	Thực hiện giải quyết chế độ, chính sách cán bộ, công chức	2					
	Thực hiện kịp thời, đúng quy định	2					
	Thực hiện đúng quy định nhưng chưa kịp thời	1					
	Thực hiện chưa kịp thời, không đúng quy định	0					
5.6	Thực hiện việc báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề về chất lượng đội ngũ CBCC	2					
	Báo cáo kịp thời đầy đủ theo quy định	2					
	Báo cáo đầy đủ nội dung nhưng chậm không quá 05 ngày	1					
	Báo cáo không đúng yêu cầu hoặc chậm quá 05 ngày	0					
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	17					
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan	8					
6.1.1	Thực hiện báo cáo quyết toán ngân sách năm:	2					
	Báo cáo quyết toán đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo quy định và gửi đúng thời hạn	2					
	Báo cáo quyết toán đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo quy định gửi không đúng thời hạn (không quá 15 ngày)	1					
	Báo cáo quyết toán không đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo quy định, không gửi đúng thời hạn	0					
6.1.2	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, người lao động	2					
	Tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, người lao động đạt từ trên 2 lần lương cơ sở/người/tháng trở lên	2					
	Tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, người lao động đạt từ trên 1 lần đến 2 lần lương cơ sở/người/tháng trở lên	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, người lao động đạt dưới 1 lần lương cơ sở/người/tháng	0.5					
	Không tăng thu nhập cho viên chức, người lao động	0					
6.1.3	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	2					
	Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi đúng thời hạn	2					
	Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không đúng thời hạn	0					
6.1.4	Thực hiện công khai minh bạch ngân sách (Dự toán, quyết toán NS)	2					
	Chuẩn và đúng hạn	2					
	Không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng quá hạn	0					
6.2	Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm	2					
	Thực hiện xây dựng đúng quy định và gửi đúng thời hạn	2					
	Thực hiện xây dựng đúng quy định và gửi muộn (không quá 5 ngày) so với quy định	1.5					
	Thực hiện xây dựng đúng quy định và gửi muộn quá 10 ngày so với quy định	1					
6.3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	4			Mới		
6.3.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1					
	Ban hành đầy đủ, đúng quy định, có rà soát lại hàng năm	1					
	Không ban hành, không rà soát hàng năm	0					
6.3.2	Tổ chức công khai về tài sản (tăng, giảm, mua sắm, kết thúc năm)	1					
	Có thực hiện đầy đủ	1					
	Không thực hiện đầy đủ	0					
6.3.3	Tổ chức kiểm tra, kiểm kê, đánh giá, cập nhật tài sản hàng năm	1					
	Có thực hiện đầy đủ	1					
		10					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Không thực hiện đầy đủ	0					
6.3.4	Chấp hành chế độ báo cáo về tài sản công (định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu)	1					
	Có thực hiện đầy đủ	1					
	Không thực hiện đầy đủ	0					
6.4	Xây dựng và rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ	1			Mới		
	Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm	1					
	Không thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm	0					
6.5	Thực hiện các kiến nghị về thanh tra, kiểm toán, kiểm tra về quản lý, sử dụng ngân sách, đầu tư, tài sản công	2			Mới		
	Thực hiện đầy đủ, dứt điểm, đúng hạn theo yêu cầu hoặc trong năm không có thanh tra, kiểm toán hoặc không có kiến nghị về tài chính, ngân sách, không có sai phạm được phát hiện	2					
	Thực hiện đầy đủ nhưng chậm thời hạn yêu cầu không quá 15 ngày hoặc trong năm không có thanh tra, kiểm toán hoặc không có kiến nghị về tài chính, ngân sách, không có sai phạm được phát hiện	1					
	Thực hiện không đầy đủ, chậm thời hạn theo yêu cầu	0					
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CQĐT, CHÍNH QUYỀN SỐ	18					
7.1	Việc ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT (chuyển đổi số) của đơn vị	2					
	Có ban hành	2					
	Không ban hành	0					
7.2	Tỷ lệ văn bản đi được ký số chuyển bằng phần mềm (Trừ các văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước)	2					
	đạt 100%	2					
	Từ 90%-đến dưới 100%	1					
	Dưới 90%	0					
7.3	Giao xử lý văn bản đến trực tiếp bằng phần mềm	2					
		11					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Đạt 100%:	2					
	Từ 90%- dưới 100%:	1					
	Dưới 90%:	0					
7.4	Trao đổi thông tin, văn bản trong nội bộ đơn vị hoàn toàn trên môi trường mạng qua Hệ thống thông tin và CSDL quản lý văn bản; Hệ thống thư điện tử công vụ Tỉnh	2					
	Từ 90%-100%:	2					
	Dưới 90%: 0	0					
7.5	Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp và thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc	2					
	Từ 90%-100%:	2					
	Dưới 90%:	0					
7.6	Tỷ lệ máy tính của đơn vị đã được trang bị phần mềm phòng chống virus có bản quyền	1					
	Từ 75-100%	1					
	Dưới 75%	0					
7.7	Ban hành các Quy trình thực hiện TTHC khi có phát sinh TTHC mới	2					
	Ban hành kịp thời các Quy trình thực hiện TTHC nếu có phát sinh TTHC mới	2					
	Ban hành nhưng sau thời gian 3 tháng	1					
	Không ban hành	0					
7.8	Cập nhật thay đổi các căn cứ pháp lý mới trong thực hiện các quy trình	2					
	Thường xuyên cập nhật thay đổi các căn cứ pháp lý mới trong thực hiện các quy trình	2					
	Cập nhật nhưng sau thời gian 3 tháng	0.5					
	Không cập nhật	0					
7.9	Xây dựng mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện MTCL của năm	1					
		12					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Xây dựng MTCL, Kế hoạch thực hiện MTCL đảm bảo thời gian theo quy định	2					
	Xây dựng MTCL, Kế hoạch thực hiện MTCL không đảm bảo thời gian theo quy định	1					
	Không xây dựng MTCL, Kế hoạch thực hiện MTCL	0					
7.10	Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện Mục tiêu chất lượng hàng năm	2					
	Có báo cáo thực hiện MTCL hàng năm đảm bảo thời gian theo quy định	2					
	Không có báo cáo hoặc báo cáo không đảm bảo thời gian theo quy định	0					
8	ĐIỂM THƯỜNG	6					
8.1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan đánh giá thông qua các thành tích khen thưởng (chỉ tính đến thời điểm đánh giá)	2					
	Cờ thi đua của UBND tỉnh	2					
	Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc hoặc Bằng khen của UBND tỉnh	1					
	Giấy khen của Sở chuyên ngành, Thành phố	0.5					
8.2	Thực hiện cấp nhật kịp thời và đầy đủ thông tin về cán bộ, công chức trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	2					
	100% cấp nhật kịp thời đúng quy định	2					
	Từ 90% đến dưới 100% cấp nhật đầy đủ, đúng quy định	1					
	Dưới 90% cấp nhật hoặc dưới 100% cấp nhật nhưng chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa đúng quy định	0					
8.3	Tổ chức tự đánh giá, xếp loại và báo cáo sớm hơn thời gian quy định, nội dung đầy đủ, chính xác, chất lượng; báo cáo tự chấm điểm Chi số CCHC sai số không quá 5% so với điểm thẩm định	2					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Tổ chức tự đánh giá, xếp loại và báo cáo sớm hơn thời gian quy định, nội dung đầy đủ, chính xác, chất lượng; báo cáo tự chấm điểm Chi số CCHC sai số không quá 5% so với điểm thẩm định	2					
	Tổ chức tự đánh giá, xếp loại và báo cáo đầy đủ, chính xác, chất lượng; báo cáo tự chấm điểm Chi số CCHC sai số không quá 5% so với điểm thẩm định, nhưng muộn hơn thời gian quy định (3 ngày)	1					
	Tổ chức tự đánh giá, xếp loại và báo cáo chưa đầy đủ, chính xác, chất lượng; báo cáo tự chấm điểm Chi số CCHC sai số quá 5% so với điểm thẩm định, muộn hơn thời gian quy định (3 ngày trở lên)	0					
	TỔNG ĐIỂM	100					

Phụ lục II

**CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI
UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND thành phố Móng Cái)

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	19					
1.1	Thực hiện Kế hoạch CCHC	3		Bổ sung thêm tỷ lệ % hoàn thành KH			
	Xây dựng kế hoạch đảm bảo nội dung, đúng thời gian và thực hiện 100% kế hoạch	3					
	Xây dựng kế hoạch đảm bảo nội dung, đúng thời gian và thực hiện từ 90% - dưới 100% kế hoạch	2					
	Xây dựng kế hoạch đảm bảo nội dung, đúng thời gian và thực hiện dưới 90% kế hoạch	1					
	Không ban hành hoặc ban hành chậm quá 15 ngày và thực hiện dưới 90% kế hoạch	0					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ (gắn với Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND Thành phố "triển khai một số giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Thành phố gắn với chuyên đổi số thành phố Móng Cái đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" theo Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 04/12/2022 của HĐND tỉnh); báo cáo chuyên đề (Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 07/9/2021 của UBND thành phố Móng Cái "Triển khai Chương trình hành động số 131/CTr-UBND ngày 02/7/2021 để triển khai cụ thể Nghị quyết 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030)	3		Sửa lại cho phù hợp vì tình yêu cầu thêm Báo cáo Nghị quyết 05 và Nghị quyết số 124 gắn với BC CCHC định kỳ			
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ (gắn với thực hiện Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 124/NQ-HĐND)	2					
	<i>Đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung và đúng thời gian quy định</i>	2					
	<i>Thiếu 01 báo cáo hoặc có 01 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 01 báo cáo chưa gửi đúng thời gian quy định.</i>	1					
	<i>Thiếu 02 báo cáo trở lên hoặc có 02 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 02 báo cáo chưa gửi đúng thời gian quy định.</i>	0					
1.2.2	Báo cáo chuyên đề (Thực hiện các Nghị quyết; Kế hoạch theo định kỳ và đột xuất...)	1		Bổ sung			
	<i>Đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung và đúng thời gian quy định</i>	1					
	<i>Thiếu 01 báo cáo hoặc có 01 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 01 báo cáo chưa gửi đúng thời gian quy định.</i>	0.5					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Thiếu 02 báo cáo trở lên hoặc có 02 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 02 báo cáo chưa gửi đúng thời gian quy định.	0					
1.3	Công tác thông tin tuyên truyền	3					
1.3.1	Thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC (nếu không ban hành riêng mà lồng ghép trong kế hoạch CCHC thì phải rõ nội dung, rõ thời gian thực hiện và hình thức thực hiện)	1					
	Có ban hành KH tuyên truyền CCHC hoặc được lồng ghép trong kế hoạch CCHC và hoàn thành 100% kế hoạch	1					
	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% kế hoạch	0.5					
	Dưới 90% nội dung của kế hoạch được hoàn thành	0					
1.3.2	Các hình thức tuyên truyền	2					
	Đăng tải đầy đủ, kịp thời các nội dung, hội nghị cải cách hành chính của Thành phố, của địa phương trên Công thông tin điện tử thành phần của các xã, phường	1					
	Tổ chức hội nghị, cuộc họp về cải cách hành chính	0.5					
	Tổ chức tuyên truyền cải cách hành chính thông qua họp giao ban, qua zalo, facebook....	0.5					
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	3					
1.4.1	Phụ trách công tác CCHC	1					
	Người đứng đầu trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo	1					
	Giao cho cấp phó trực tiếp phụ trách	0					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
1.4.2	Có phân công và giao nhiệm vụ cho công chức phụ trách công tác CCHC	1					
	<i>Có văn bản giao nhiệm vụ</i>	1					
	<i>Không có văn bản giao nhiệm vụ</i>	0					
1.4.3	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1					
	<i>Có sáng kiến, giải pháp</i>	1					
	<i>Không có sáng kiến, giải pháp</i>	0					
1.5	Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định	5					
1.5.1	Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	2					
	<i>Tất cả báo cáo quý gửi đúng thời gian quy định</i>	2					
	<i>Có 01 báo cáo gửi không đúng thời gian quy định</i>	1					
	<i>Có 02 báo cáo trở lên gửi không đúng thời gian quy định</i>	0					
1.5.2	Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan	2					
	<i>Giải quyết từ 90% - dưới 100% đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng thời gian quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền hoặc cơ quan không có phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo</i>	2					
	<i>Giải quyết từ 80% - dưới 90% đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng thời gian quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền</i>	1					
	<i>Giải quyết từ 70% đến dưới 80% đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng thời gian quy định, đúng thẩm quyền</i>	0.5					
	<i>Giải quyết dưới 70% khiếu nại, tố cáo đúng thời gian quy định, đúng thẩm quyền</i>	0					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
1.5.3	Số tiếp công dân và tiếp nhận đơn thư	1					
	Có số tiếp công dân và tiếp nhận đơn thư và ghi chép đầy đủ	1					
	Có số tiếp công dân và tiếp nhận đơn thư nhưng ghi chép chưa đầy đủ	0.5					
	Không có số tiếp công dân và tiếp nhận đơn thư hoặc có số nhưng không ghi chép	0					
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND Thành phố giao	2		Điều chỉnh lại cho phù hợp			
	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm	2					
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có không quá 5% số nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ	1					
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có từ 5% đến dưới 10% số nhiệm vụ hoàn thành chậm so với tiến độ	0.5					
	Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao	0					
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	9					
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	2					
	Tham mưu thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL thuộc phạm vi của địa phương						
	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình	2					
	80% đến dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình	1					
	Dưới 80% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình	0					
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	2					
							Bổ sung 2.2.2

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
2.2.1	Xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1					
	<i>Có xây dựng kế hoạch, đúng thời gian quy định</i>	1					
	<i>Có xây dựng kế hoạch nhưng chậm không quá 15 ngày</i>	0.5					
	<i>Không xây dựng kế hoạch hoặc chậm quá 15 ngày trở lên</i>	0					
2.2.2	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1					
	<i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật</i>	0.5					
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật</i>	0.5					
2.3	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	3			Bổ sung 2.3.3		
2.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL hàng năm; Kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL theo quy định	1					
	<i>Có ban hành kế hoạch và thực hiện đảm bảo đúng thời gian quy định</i>	1					
	<i>Có ban hành kế hoạch, thực hiện nhưng chậm (quá 15 ngày) so với thời gian quy định</i>	0.5					
	<i>Không ban hành hoặc không thực hiện</i>	0					
2.3.2	Có báo cáo và xử lý kết quả sau tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	1					
	<i>100% vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý kịp thời</i>	1					
	<i>Từ 80% đến dưới 100% vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý kịp thời</i>	0.5					
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý</i>	0					
2.3.3	Có báo cáo và xử lý văn bản trái pháp luật do địa phương ban hành được cơ quan có thẩm quyền kết luận, kiến nghị (nếu có)	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	100% văn bản được xử lý kịp thời	1					
	Từ 80% đến dưới 100% văn bản được xử lý kịp thời	0.5					
	Dưới 80% văn bản được xử lý	0					
2.4	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi của địa phương và tổ chức Ngày pháp luật hàng năm	2					
2.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức Ngày pháp luật hàng năm	1					
	Ban hành đúng thời gian quy định	1					
	Ban hành chậm không quá 15 ngày	0.5					
	Không ban hành hoặc ban hành chậm quá 15 ngày trở lên	0					
2.4.2	Báo cáo kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và báo cáo kết quả tổ chức Ngày pháp luật hàng năm	1					
	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định	1					
	Báo cáo chưa đầy đủ hoặc muộn không quá 15 ngày	0.5					
	Không có báo cáo hoặc muộn quá 15 ngày trở lên	0					
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	14					
3.1	Thực hiện hoạt động kiểm soát quy định thủ tục hành chính	3					
3.1.1	Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định của huyện	1					
	Ban hành và thực hiện 100% kế hoạch đề ra	1					
	Ban hành chậm so với quy định và thực hiện dưới 100% kế hoạch đề ra	0					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
3.1.2	Báo cáo kiểm soát TTHC đầy đủ, đúng thời gian quy định	1					
	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định	1					
	Báo cáo đúng thời gian theo quy định nhưng nội dung chưa đầy đủ	0.5					
	Không có báo cáo hoặc quá thời gian quy định	0					
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1					
	Kịp thời đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền	1					
	Có đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền nhưng muộn hơn so với quy định	0.5					
	Không có đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền	0					
3.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định	2					
	Các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Thành phố, của xã, phường (theo Quyết định công bố của UBND tỉnh) được công khai, niêm yết đầy đủ, kịp thời, đúng quy định trên trang thông tin điện tử của xã, phường, tại nơi giải quyết TTHC						
	100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định	2					
	Dưới 100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định	0					
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	8				Gộp vào	
3.3.1	Ban hành đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo quy định	1					
	Ban hành đầy đủ 100%	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Ban hành từ 95% - dưới 100%	0.5					
	Ban hành dưới 95%	0					
3.3.2	Bổ trí đủ công chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả có năng lực, trình độ và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ (không có lao động hợp đồng)	1					
	Bổ trí 100%	1					
	Bổ trí dưới 100%	0					
3.3.3	Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính cho cá nhân, tổ chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã (dựa trên tổng hợp từ Chính quyền điện tử; hoặc qua kiểm tra, giám sát phát hiện)	3					
	100% số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn	3					
	Từ 95% - dưới 100% số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn	2					
	Từ 90% - dưới 95% số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn	1					
	Dưới 90% số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn	0					
3.3.4	Thực hiện đúng quy định có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức khi chậm giải quyết TTHC (dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát; trên hệ thống) (thực hiện đối với các đơn vị có hồ sơ trễ hạn, còn đối với các đơn vị không có hồ sơ trễ hạn thì vẫn đạt điểm tuyệt đối 1 điểm)	1					
	Có văn bản xin lỗi	1				Mới bổ sung	
	Không có văn bản xin lỗi	0					
3.3.5	Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC	2					
	Từ 80% đến 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa	2				Mới bổ sung	

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Từ 70% đến dưới 80% kết quả giải quyết TTHC được số hóa	1					
	Dưới 70% kết quả giải quyết TTHC được số hóa	0					
3.4	Phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết TTHC	1					
	Không có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết TTHC hoặc có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức nhưng mang tính chất tham gia góp ý tích cực về quá trình giải quyết TTHC	1					
	Có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết TTHC nhưng đảm bảo 100% phản ánh, kiến nghị được cơ quan giải quyết	0.5					
	Có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết TTHC nhưng dưới 100% phản ánh, kiến nghị được cơ quan giải quyết	0					
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	4					
4.1	Thường xuyên thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy chế làm việc, Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể của từng CB, CC cho phù hợp	2					
	Thực hiện rà soát, điều chỉnh kịp thời.	2					
	Thực hiện rà soát điều chỉnh không kịp thời.	1					
	Không thực hiện rà soát điều chỉnh.	0					
4.2	Thực hiện phân cấp quản lý	2					
	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước do Chính phủ, Bộ, Tỉnh, huyện ban hành						

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định và báo cáo đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định.	2					
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định nhưng không báo cáo đầy đủ nội dung hoặc chậm thời gian quy định (không quá 15 ngày).	1					
	Không thực hiện các quy định hoặc không gửi báo cáo hoặc báo cáo chậm sau 15 ngày.	0					
5	CÁI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	16					
5.1	Thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với CBCCVV (Theo Luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP)	2			Mới		
	Thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức của huyện hàng năm						
	100% thực hiện theo đúng kế hoạch	2					
	Không đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch	0					
5.2	Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	2					
	Thực hiện 100% kế hoạch	2					
	Thực hiện từ 90% - dưới 100% kế hoạch	1					
	Thực hiện dưới 90% kế hoạch	0					
5.3	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	5					
5.3.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định	1					
	Thực hiện đúng quy định	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	<i>Thực hiện không đúng quy định</i>	0					
5.3.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	2					
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	2					
	<i>Trong năm chỉ có công chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	1					
	<i>Trong năm có cán bộ, lãnh đạo bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	0					
5.3.3	Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CBCC	2					
	<i>100% CBCC hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	2					
	<i>Có từ 01 người hoàn thành nhiệm vụ</i>	1					
	<i>Có từ 01 người không hoàn thành nhiệm vụ</i>	0					
5.4	Thực hiện giải quyết chế độ, chính sách cán bộ, công chức	1					
	<i>Thực hiện kịp thời, đúng quy định</i>	1					
	<i>Thực hiện chưa kịp thời, không đúng quy định</i>	0					
5.5	Thực hiện việc báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề về chất lượng đội ngũ CBCC cấp xã	2					
	<i>Báo cáo kịp thời đầy đủ theo quy định</i>	2					
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung nhưng chậm không quá 05 ngày</i>	1					
	<i>Báo cáo không đúng yêu cầu hoặc chậm quá 05 ngày</i>	0					
5.6	Cán bộ, công chức cấp xã	4					
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	2					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn	2					
	Dưới 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn	0					
5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	2					
	100% công chức cấp xã đạt chuẩn	2					
	Dưới 100% công chức cấp xã đạt chuẩn	0					
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	17					
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	4					
6.1.1	Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm	2					
	Thực hiện xây dựng đúng quy định và gửi đúng thời gian quy định	2					
	Thực hiện xây dựng đúng quy định nhưng gửi muộn không quá 5 ngày so với thời gian quy định	1					
	Thực hiện xây dựng đúng quy định nhưng gửi muộn (quá 5 ngày) so với thời gian quy định	0					
6.1.2	Thực hiện chế độ công khai minh bạch ngân sách	1					
	Chuẩn và đúng hạn: 1	1					
	Không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng quá hạn: 0	0					
6.1.3	Thực hiện quyết toán ngân sách địa phương hàng năm	1					
	Đảm bảo đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo quy định và đúng thời hạn: 1,0	1					
	Đảm bảo đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo quy định nhưng không đúng thời hạn (không quá 15 ngày): 0,5	0.5					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu nội dung)	Điểm UBND Thành phố thẩm định	Giải trình nội dung thẩm định	Ghi chú
	Không đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo quy định, không đúng thời hạn: 0	0					
6.2	Thực hiện thu ngân sách trên bàn (huyện giao)	2					
6.2.1	Trường hợp Thành phố có giao thu phần đầu	2					
	Đạt và vượt chỉ tiêu thu phần đầu (trừ GTGC)	2					
	Không đạt chỉ tiêu thu phần đầu nhưng vượt dự toán huyện giao từ 20% đến dưới 30% trở lên	1.5					
	Không đạt chỉ tiêu thu phần đầu nhưng vượt dự toán huyện giao từ 10% đến dưới 20%	1					
	Không đạt chỉ tiêu thu phần đầu nhưng vượt dự toán huyện giao dưới 10%	0.5					
	Không đạt dự toán huyện giao	0					
6.2.2	Trường hợp Thành phố không giao thu phần đầu	2					
	Đạt từ 130% trở lên dự toán	2					
	Đạt từ 120% đến dưới 130% dự toán huyện giao	1.5					
	Đạt từ 110% đến dưới 120% dự toán huyện giao	1					
	Đạt 100% đến dưới 110% dự toán huyện giao	0.5					
	Không đạt dự toán huyện giao	0					
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các xã, phường	4					
6.3.1	Bổ sung thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức cấp xã	2					
	Đạt bình quân tối thiểu 1 lần mức lương cơ sở/người/tháng trở lên	2					
	Đạt bình quân từ 0,5 đến dưới 1 lần mức lương cơ sở/người/tháng trở lên	1					